

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN PHÚ

Số: 2692/TB-BVĐKTP

V/v Mua sắm thiết bị y tế năm 2026
(lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tân Phú, ngày 09 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Tân Phú có nhu cầu tiếp nhận báo giá cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế năm 2026 (lần 2) với nội dung cụ thể như sau:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tân Phú.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.
 - Họ và tên: DS. Hồ Thị Cúc Mai.
 - SĐT: 028.5408.8924
 - Địa chỉ email: phongvttbyt2025@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá: trong 3 cách sau:
 - Nhận qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ: <https://muasamcong.mpi.gov.vn/> (nhà thầu bắt buộc phải gửi hồ sơ chào giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Đa khoa Tân Phú, 609 – 611 Âu Cơ, P. Tân Phú, TP. HCM
 - Nhận qua email: Quý công ty/ nhà cung cấp gửi file excel và bản scan có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email: phongvttbyt2025@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 09 tháng 10 năm 2026 đến trước 16h ngày 23 tháng 10 năm 2026. Sau thời gian này sẽ không được xem xét. Các báo giá nhận được theo 3 hình thức nêu trên sẽ được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Phụ lục 1: danh mục hàng hóa yêu cầu theo danh sách đính kèm.
- Phụ lục 2: mẫu báo giá
- Phụ lục 3: mẫu dán ngoài phong thư báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban biên tập website BV (để đăng tin);
- Phòng VTTBYT
(Đăng tải Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia);
- Lưu VT, Phòng VTTBYT.



Nguyễn Thanh Trường



SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN PHÚ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Thông Báo số 2692/TB-BVĐKTP ngày 09 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy hấp nhiệt độ cao chu trình chân không 2 cửa	I. YÊU CẦU CHUNG: - Hàng mới 100% và năm sản xuất từ 2025 trở về sau. - Xuất xứ: G7/Liên minh Châu Âu (EU) - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001 và ISO 13485:2016, EU hoặc tương đương - Thiết bị đáp ứng Tiêu chuẩn Châu Âu EN 285 đối với các máy tiệt khuẩn hơi nước cỡ lớn. - Thiết bị đáp ứng Chỉ thị 2014/68/EU của Liên minh Châu Âu về thiết bị chịu áp lực (PED) - Thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn IEC 61010 2-040:2020 yêu cầu riêng về thiết bị tiệt khuẩn và máy rửa khử khuẩn - Nguồn điện sử dụng phù hợp với điện áp Việt Nam: 380-415V, 50/60 Hz - Môi trường hoạt động Phù hợp với khí hậu, độ ẩm Việt Nam - Đảm bảo cung cấp đủ vật tư, linh kiện thay thế trong tối thiểu 08 năm. II. CẤU HÌNH: - Dung tích buồng tiệt khuẩn $\geq 490L$ - Công suất tối thiểu: 06 đơn vị tiệt khuẩn (StU) - Kích thước tối đa: độ rộng tối đa của máy là 1250mm, chiều cao tối đa 2100mm. - Điều khiển tự động. - 01 Bộ tạo hơi nước tích hợp trong máy chính - 01 Bộ tạo chân không tích hợp trong máy chính - 01 Máy in tích hợp trong máy chính - 01 Hệ thống lọc nước RO	Cái	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- 01 máy nén khí không dầu hoặc được tích hợp trong máy chính - 02 Xe chuyển dụng cụ chính hãng, mỗi xe 04 bánh xe. Chiều cao của xe có thể điều chỉnh được. - 01 khung nẹp dụng cụ chính hãng, ≥ 06 giỏ đựng dụng cụ chính hãng. - 01 Máy đọc tự động chỉ thị eBowie-Dick điện tử (eBD). - Máy chạy êm, độ ồn thấp. II. TÍNH NĂNG CHI TIẾT: - Máy tiệt khuẩn bằng hơi nước và sấy khô bằng chân không, hoàn toàn tự động, thiết kế 02 cửa đảm bảo nguyên tắc một chiều, tiệt khuẩn được nhiều loại dụng cụ: phẫu thuật, đồ vải và các dụng cụ y tế khác. Khoảng nhiệt độ có thể cài đặt từ 105°C - 138°C. - Có các chương trình tiệt khuẩn được thiết bao gồm: + Chương trình 134°C, chương trình 121°C, chương trình tiệt trùng hộp hấp, chương trình tiệt trùng vải dệt, chương trình tiệt trùng nhanh, chương trình tiệt trùng Prion, chương trình tiệt trùng các vật liệu nhạy cảm với nhiệt: • Chu trình tiệt trùng đồ vải dệt ở 134°C trong 4 - 5 phút, thời gian sấy khô ≤ 20 phút. • Chu trình tiệt trùng hộp hấp, dụng cụ được đóng gói ở 134°C trong 4 - 5 phút, thời gian sấy khô ≤ 20 phút. • Chu trình tiệt trùng vật liệu nhạy cảm với nhiệt ở 121°C trong 15 - 20 phút, thời gian sấy khô ≤ 20 phút. + Có chương trình kiểm tra khác bao gồm: Chương trình kiểm tra rò rỉ (Leak test) và Chương trình Bowie & Dick test. + Có chu trình làm nóng buồng tiệt khuẩn và lớp áo vỏ (warm-up cycle). + Có thể thiết lập thêm chu trình khác phù hợp với yêu cầu của đơn vị sử dụng. - Có trang bị bộ lọc không khí đầu vào để cân bằng áp lực cho buồng tiệt khuẩn. Bộ lọc đạt			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		tối thiểu HEPA H14 theo tiêu chuẩn EN 1822 hoặc bộ lọc vi sinh hoặc vi khuẩn 1. Cấu hình cửa: - Máy hai cửa, đóng mở tự động kiểu trượt dọc tự động. Một cửa mở đưa đồ vào, một cửa mở lấy đồ ra. - Cửa hoạt động tự động bằng khí nén. - Cửa có hệ thống chống kẹt ngăn cửa đóng khi có vật cản. - Khoá cửa liên động đảm bảo chỉ cho phép một bên mở cửa ở một thời điểm. - Cửa có gioăng silicon làm kín buồng tiệt khuẩn. - Cách nhiệt cửa: Bề mặt ngoài của cửa tiếp xúc với người vận hành phải có ốp cách nhiệt, cửa có lớp cách nhiệt bằng bông khoáng, dày để nhiệt độ bề mặt không vượt quá 45°C để chống bỏng. - Vật liệu: được làm từ thép không gỉ tối thiểu SUS 316L hoặc tương đương, có khả năng chống ăn mòn. 2. Buồng tiệt khuẩn: - Làm bằng thép không gỉ tối thiểu SUS 316L hoặc tương đương để chống ăn mòn. Bề mặt được đánh - Buồng tiệt khuẩn có hình hộp chữ nhật, và kích thước phù hợp để thuận tiện cho việc vệ sinh buồng-tiệt khuẩn. - Trang bị hệ thống xả hoặc thoát nước ngưng tự động - Độ dày buồng tiệt trùng: ≥ 5 mm - Độ dày lớp áo nước jacket: ≥ 4 mm - Buồng có lớp cách nhiệt bằng bông khoáng. - Áp suất cho phép của buồng: có thể nằm trong khoảng từ -1 bar đến 3 bar có Van xả áp an toàn - Nhiệt độ tối đa cho phép của buồng: $\geq 140^{\circ}\text{C}$ - Có trang bị bộ lọc không khí đầu vào để cân bằng áp lực cho buồng tiệt khuẩn. Bộ lọc đạt tối thiểu HEPA H14 theo tiêu chuẩn EN 1822 hoặc bộ lọc vi sinh hoặc vi khuẩn.			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Cụm cửa và buồng tiết khuẩn phải được kiểm định và cấp chứng chỉ an toàn thiết bị áp lực theo chuẩn ASME Boiler and Pressure Vessel Code (Mỹ) hoặc PED 2014/68/EU (Châu Âu). 3. Lớp áo vỏ: Bao quanh buồng, làm bằng thép không gỉ SUS 316L hoặc tương đương 4. Hệ thống đường ống và Van: - Toàn bộ đường ống dẫn hơi nước và van phải làm từ thép không gỉ SUS 316L hoặc đồng thau hoặc tương đương. - Đáp ứng tiêu chuẩn EN 4126 và phù hợp với Chỉ thị 2014/68/EU của Liên minh Châu Âu về thiết bị chịu áp lực (PED). 5. Bộ tạo hơi nước tích hợp và bộ phận tạo chân không: - Chu trình tiết khuẩn có giai đoạn hút chân không bao gồm cả chu trình tiền chân không (pre-vacuum/pulses) trước khi bước vào giai đoạn tiết khuẩn và chu trình chân không (vacuum) trong giai đoạn sấy khô. - Hệ thống cấp nước riêng biệt cho bộ tạo hơi nước và hệ thống hút chân không - Bộ tạo hơi nước tích hợp, bằng thép không gỉ SUS 316L hoặc tương đương - Bộ tạo hơi nước tích hợp có cảm biến áp suất và hệ thống dò mực nước để điều khiển lượng nước. - Bộ phận gia nhiệt được chế tạo bằng incoloy hoặc vật liệu có khả năng chịu nhiệt, chống ăn mòn và chống đóng cặn tương đương hoặc tốt hơn. - Công suất điện tiêu thụ của bộ tạo hơi nước $\geq 40\text{kW}$. - Hệ thống dò mực nước có tối thiểu 03 mức (mức thấp, mức làm việc và mức cao) giúp đảm bảo cấp nước tự động và bảo vệ bộ phận gia nhiệt. - Hệ thống tuần hoàn nước bơm chân không: Có bể chứa nước, bộ trao đổi nhiệt và độ điều khiển nhiệt độ, giúp tiết kiệm $\geq 55\%$ lượng nước sử dụng cho hoạt động của bơm			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		chân không - Có hệ thống xả của bộ tạo hơi nước - Lớp cách nhiệt bằng bông khoáng- - Áp suất cho phép tối đa: $\geq 3,3$ bar. - Có van an toàn tự xả khi áp suất- - Hệ thống tạo chân không sử dụng công nghệ hút chân không bơm vòng chất lỏng (liquid ring vacuum pump) - Áp suất chân không tuyệt đối tối thiểu: 7 kPa - Các ống và các van tiếp xúc với hơi nước làm bằng thép không gỉ SUS 316L hoặc đồng thau hoặc tương đương. - Các ống dẫn hơi nước được bọc lớp cách nhiệt. - Hút chân không phân đoạn sơ bộ (Fractional Pre-vacuum) ít nhất 3 hoặc 4 lần trước khi gia nhiệt. - Chế độ sấy khô: Sau khi hấp xong, bơm chân không hoạt động sấy khô mẻ tải. Đảm bảo độ ẩm tồn dư sau sấy đạt tiêu chuẩn EN 285 ($\leq 1\%$ đối với mẻ tải đồ vải và $\leq 0.2\%$ đối với mẻ tải dụng cụ kim loại) - Độ kín của buồng (Vacuum Leak Test): Tốc độ rò rỉ chân không của buồng phải ≤ 1.3 mbar/phút (theo chuẩn EN 285). 6. Màn hình điều khiển: - Màn hình cảm ứng màu TFT tại cửa nạp đồ - Màn hình điều khiển phải có các chức năng sau: + Truy cập vào menu lựa chọn chương trình, thông tin, bảo dưỡng và số liệu + Giám sát dữ liệu chu trình hiện tại: nhiệt độ, áp suất, giai đoạn, thời gian, thời gian chu trình, tên giai đoạn, hiển thị biểu đồ đường cong chu trình (nhiệt độ và áp suất)- + Hiển thị cảnh báo, lỗi sử dụng + Quản lý tên người dùng và mật khẩu + Màn hình phải có nút dừng chương trình để hủy bỏ chương trình đang chạy khi cần. 7. Bộ vi xử lý trung tâm (PLC): - Máy thực hiện việc điều khiển và ghi nhận độc lập, với 2 bộ điều khiển - Máy có thể kết nối với hệ thống truy xuất			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		qua cổng Ethernet - Mặt trước máy có màn hình với các biểu tượng-hiển thị trạng thái chu trình, báo động trong chu kỳ - Bộ nhớ có thể lưu trữ dữ liệu - Mặt trước máy có 02 đồng hồ áp suất, lần lượt hiển thị áp suất của buồng tiết trùng và áp suất của bộ tạo hơi nước - Mặt sau máy có 01 đồng hồ áp suất hiển thị áp suất của buồng tiết trùng 8. Hệ thống An toàn - Cửa chỉ được phép mở trong các điều kiện được hệ thống cho phép - Jacket đều phải trang bị van xả áp an toàn toàn - Chuông báo động khi có lỗi: cảm biến nhiệt độ, áp suất, thời gian giai đoạn quá dài, cửa không đóng kín, mức nước trong nồi hơi thấp. - Các thông báo, cảnh báo hoặc báo động sẽ hiển thị trên màn hình để người vận hành có thể quan sát. - Có hệ thống đảm bảo cân bằng áp lực trong buồng với áp lực không khí bên ngoài, cửa buồng tiết trùng không thể mở khi hệ thống chưa cho phép - Có hệ thống rơ le nhiệt cho bơm. - Có van an toàn áp suất cho lớp áo nước jacket và bộ tạo hơi nước đáp ứng tiêu chuẩn EN 4126 và phù hợp với Chỉ thị 2014/68/EU của Liên minh Châu Âu về thiết bị chịu áp lực (PED). - Có 2 cảm biến đo nhiệt độ buồng tiết trùng - Có 2 cảm biến đo áp suất buồng tiết trùng và áp suất jacket - Có cảm biến hoặc thiết bị đo áp suất nồi hơi - Có cảm biến đo áp suất lớp áo nước jacket - Khi chu trình kết thúc, máy sẽ tự động chuyển sang chế độ tiết kiệm nước và năng lượng. - Nếu cửa vô tình bị mở khóa do lỗi hoặc nếu áp suất bên trong gioăng cửa quá thấp trong khi đang chạy một chu trình thì máy sẽ báo lỗi và thực hiện một chu trình an toàn.			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Máy có nút dừng khẩn cấp ở phía cửa trước và cửa sau của máy. 9. Khác: - Cho phép truy xuất dữ liệu qua kết nối ethernet để lưu trữ và theo dõi thông tin chu trình tiệt khuẩn trên máy tính. 10. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa: - Kỹ sư được đào tạo và cập nhật liên tục từ hãng sản xuất, hiểu rõ về máy. - Kỹ sư phải có mặt trong vòng tối đa 48 giờ ngay khi máy gặp sự cố/ vấn đề. 11. Máy đọc tự động chỉ thị eBowie-Dick điện tử (eBD) - Xuất xứ vùng lãnh thổ: G7/Liên minh Châu Âu (EU) - Đạt chứng nhận tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA hoặc tương đương - Thời gian cho kết quả: Trong vòng ≤ 5 giây - Có đèn chỉ báo kết quả kiểm tra đạt/ không đạt trên máy - Có cảnh báo bằng âm thanh khi có kết quả không đạt hoặc khi có lỗi - Có thể kết nối với máy tính qua cổng USB, bluetooth - Có thể lưu trữ ≥ 1000 kết quả gần nhất qua trang lịch sử của hãng - Kết quả lưu trữ không đạt sẽ được tô màu đỏ để dễ nhận dạng - Chỉ thị eBowie-Dick dạng thẻ dùng 1 lần, gồm nhiều lớp với chỉ báo hóa học không chì nhạy cảm với hơi nước và cảm biến điện trở - Giá đỡ thẻ làm bằng nhựa Polyetherimide hoặc tương đương, có thể tái chế. 12. Máy nén khí không dầu hoặc tích hợp trong máy chính - Có thể mua tại Việt Nam hoặc hàng chính hãng. - Năm sản xuất từ 2025 trở về sau. - Máy nén khí hoạt động đảm bảo không cho phép tồn đọng dầu trong luồng khí nén. - Dung tích bình chứa: $\geq 50L$.			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Áp lực ≥ 7.5 bar. 5 bar. - Có van xả đáy ở đáy bình. - Công suất: ≥ 40 kW			
2	Máy Doppler tim thai	I. Đặc điểm chung: - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương. - Điện áp làm việc: 100 - 240 V, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10 - 40 độ C. + Độ ẩm: 30 - 70% - Xuất xứ: G7 II. Cấu hình thiết bị: - Máy chính có màn hình LCD hiển thị nhịp tim thai, pin sạc tích hợp trong máy. - 1 đầu dò tim thai. - 1 dây điện nguồn. - 1 tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và Tiếng Việt. III. Tính năng: - Thiết kế dễ dàng cầm và mang đi. - Đầu dò không thấm nước, dễ sử dụng, thân thiện với người dùng, dễ dàng vệ sinh. - Màn hình LCD 3.5 inch điều khiển cảm ứng cải thiện tầm nhìn cho các dữ liệu bằng cách bấm hai lần trên nhịp tim hay các số đo khác. - Dễ dàng chuyển đổi màn hình : chỉ cần đơn giản chạm vào màn hình LCD để chuyển màn hình hiển thị nhịp tim thai sang màn hình hiển thị sóng nhịp tim thai qua các lần đo. - Có thể kiểm tra sự thay đổi của nhịp tim thai theo thời gian dưới dạng biểu đồ bằng cách chuyển đổi màn hình . Có thể điều chỉnh âm lượng và cài đặt phù hợp dựa vào màn hình cảm ứng. IV. Thông số kỹ thuật - Công suất nguồn: 30VA. - Thời gian hoạt động liên tục: ≥ 120 phút. - Thời gian sạc: ≤ 80 phút. - Chức năng hiển thị: Màn hình LCD hiển thị thông số hoạt động, cài đặt, mức pin, cảnh báo bất thường. - Chức năng hoạt động cài đặt, bảo trì.	Máy	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Có ngõ cấm tai nghe. - Đầu dò tìm thai: + Loại đầu dò có dây nối với máy chính. + Kích thước nhỏ gọn cầm tay. + Loại thiết bị chống nước: IPX7 hoặc tương đương. - Chức năng đo tìm thai: + Hệ thống: phát sóng siêu âm liên tục. + Tần số siêu âm: 2.0 MHz – 3.0 MHz. + Công suất siêu âm: 10mW/cm². + Dải đo nhịp tim thai: 50 - 240 nhịp/phút.			
3	Tủ vắc xin chuyên dụng	I. Đặc điểm chung - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Điện áp làm việc: 100 - 240 V, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: tối đa 38 độ C. + Độ ẩm: tối đa 60%. II. Kỹ thuật: - Chức năng: Tủ bảo quản vắc xin. - Kiểu: Nằm ngang hoặc kiểu đứng - Dung tích lưu trữ vắc xin: ≥ 150 Lít. - Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C - Khả năng giữ nhiệt trong tủ khi mất điện: ≥ 50 giờ - Có cảm biến độ ẩm - Chống đông băng - Có hệ thống cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh	Cái	1	
4	Máy điều trị nội nha và định vị chóp	I. Đặc điểm chung: - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Điện áp làm việc: 100 - 240 V, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: tối đa 38 độ C. + Độ ẩm: tối đa 60%. II. Tính năng kỹ thuật: - Máy có cấu hình : • 01 Thân máy chính • 01 hộp màng bọc bảo vệ dùng 1 lần (100 miếng) • 01 Dây sạc • 01 đầu khuấy • 01 đế sạc • 01 Bộ hướng dẫn sử dụng - Thông số kỹ thuật :	Cái	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		• Phạm vi tốc độ: 120 – 1.000RPM hoặc tương đương. • Phạm vi mô-men xoắn: 1.0 – 4.0 Ncm hoặc tương đương. • Đầu vào định mức: 3.7Vdc / $\geq$ 800mAh (pin Lithium – ion) 2. Máy đo chiều dài ống tủy tích hợp hoặc kết nối được với Máy điều trị nội nha - 1 dây thăm dò - 2 thanh móc môi - 2 Giữ trám - Thông số kỹ thuật : • Chế độ hoạt động: hoạt động liên tục hoặc tự động khởi động khi trám vào ống tủy và sẽ tự động dừng khi trám ra khỏi ống tủy			
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi	I. Đặc điểm chung - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Xuất xứ: G7 hoặc các nước Châu Âu (trừ bàn chải và hộp bảo quản) II. Cấu hình thiết bị: 1. Ống kính soi hướng nhìn 30 độ, đường kính 10 mm, chiều dài làm việc $\geq$ 31 cm: 1 cái. - Hấp tiệt trùng được (Autoclavable). - Bên trong ống soi gồm các thấu kính (Rod lens) 2. Dây dẫn sáng dài $\geq$ 2500mm, cỡ 4,8mm: 1 cái 3. Trocar trơn cỡ 11mm, đầu tam giác, chiều dài làm việc $\geq$ 10 cm, làm từ thép không gỉ: 1 cái. Bao gồm: - Van trocar cỡ 11mm . - Vỏ trocar cỡ 11mm. - Nòng trocar cỡ 11mm 4. Trocar trơn cỡ 11mm, đầu tù, chiều dài làm việc $\geq$ 10 cm, làm từ thép không gỉ: 1 cái. Bao gồm: - Van trocar cỡ 11mm - Vỏ trocar cỡ 11mm. - Nòng trocar cỡ 11mm 5. Trocar xoắn cỡ 11mm, đầu tam giác, chiều dài làm việc $\geq$ 10cm, làm từ thép không gỉ: 1 cái. Bao gồm: - Van trocar cỡ 11mm	Bộ	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Vỏ trocar cỡ 11mm - Nòng trocar cỡ 11mm 6. Trocar xoắn cỡ 5.5 - 6mm, đầu tù chiều dài làm việc ≥ 10cm, làm từ thép không gỉ: 2 cái. Bao gồm: - Van trocar cỡ 5.5 - 6mm - Vỏ trocar cỡ 5.5 - 6mm- - Nòng trocar cỡ 5.5 - 6mm 7. Nắp cao su đầu trocar 11mm: 10 cái. 8. Nắp cao su đầu trocar 5.5 - 6mm: 10 cái. 9. Nắp giảm/ ống giảm, cho dụng cụ cỡ 5-5.5 mm khi dùng với trocar cỡ 11 mm: 1 cái. 10. Tay cầm không khóa, có chân cầm đốt điện đơn cực: 5 cái. 11. Tay cầm có khóa, có chân cầm đốt điện đơn cực: 2 cái. 12. Vỏ ngoài có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer. Cỡ 5 mm, dài 33-36 cm: 7 cái. 13. Hàm forceps, hoạt động đơn, nhiều răng nhỏ, chiều rộng 4.8mm. Cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 14. Hàm forceps kẹp và phẫu tích Kelly hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 2 cái. 15. Hàm forceps kẹp phần hàm dụng cụ dài ≥ 20 26-mm, có mở lỗ, có răng cưa. Cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 16. Hàm forceps, hoạt động kép, có mở lỗ, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 17. Lưỡi kéo cong, phần hàm dụng cụ dài ≥ 18mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 18. Ruột kẹp gấp BABCOCK, không gây chấn thương, hàm có nhiều răng, dài, , kích thước 5 mm, dài 33-36 cm: 1 cái. 19. Tay cầm, dạng xỏ ngón, có chân cầm đốt điện lưỡng cực: 1 cái. 20. Vỏ ngoài cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài ≥ 33 cm: 1 cái. 21. Vỏ trong cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài ≥ 33 cm: 1 cái. 22. Hàm kẹp lưỡng cực, cỡ 5 mm, chiều dài ≥ 33 cm: 1 cái.			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		23. Điện cực đầu hình chữ L, có chân cắm đốt điện đơn cực. cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 24. Dụng cụ thăm dò tổ chức, có vạch chia cm, cỡ 5 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 25. Quạt nâng gan. Cỡ 10 mm, chiều dài 33-36 cm: 1 cái. 26. Ống tưới hút có lỗ bên hông, van khóa, cỡ 5 mm, dài 33-36 cm: 1 cái. 27. Kim kẹp Clip cầm máu Polymer, cỡ 5 mm, chiều dài làm việc 33-36 cm: 1 cái. - Xoay trục 360° - Có cổng xả - Thiết kế không thể tháo rời 28. Dây cao tần đơn cực, chân cắm 4 mm, chiều dài ≥ 3 m: 1 cái. 29. Dây cao tần lưỡng cực, chiều dài ≥ 3 m: 1 cái. 30. Bàn chải vệ sinh dụng cụ: 1 cái 31. Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ. - Bao gồm: Hộp đựng, Khay đục lỗ, và Nắp đậy. 32. Hộp tiệt trùng và bảo quản ống soi, dùng cho 01 ống soi cứng, có nắp đậy: 1 cái. 33. Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ, có đục lỗ, có nắp: 1 cái.			
6	Máy đốt điện cao tần	I. Đặc điểm chung - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Điện áp làm việc: 100 - 240 V, 50/60 Hz. - Xuất xứ: G7 - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10-40 độ C. + Độ ẩm: 30-80% II. Cấu hình cung cấp, bao gồm: - Máy chính: 01 máy - Dây nối điện cực trung tính: 01 cái - Điện cực trung tính: 50 tấm - Bàn đạp điều khiển cắt/đốt: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ III. Thông số kỹ thuật: - Có khả năng dùng trong các phẫu thuật tổng quát và một số loại phẫu thuật đặc biệt như: nội soi, sản phụ khoa, niệu, tạo hình, phôi, tai mũi họng,...	Cái	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Điều khiển điện thế giúp quá trình cắt đốt có khả năng tái sinh tốt - Điều khiển khi đốt hoặc cắt năng lượng cao và cắt mô dưới nước. - Điều khiển công suất trong suốt quá trình đốt cầm máu và hủy mô. - Điều chỉnh công suất tự động - Có thể được thiết lập tùy chỉnh theo từng chuyên khoa, chỉ định hay loại hình phẫu thuật - Có chế độ cắt và cầm máu đơn cực, lưỡng cực - Các chế độ cắt: + Đơn cực: Tối thiểu 4 chế độ cắt đơn cực, có chế độ cắt có công suất tối đa 300W + Lưỡng cực: Tối thiểu 1 chế độ cắt lưỡng cực, công suất tối đa 100W - Chế độ cầm máu: Tối thiểu 5 chế độ cầm máu; trong đó có 1 chế độ cầm máu lưỡng cực - Công suất cắt tối đa: $\geq 300W$ ở 500 Ohm - Công suất cầm máu tối đa: lên đến 200W ở 500 Ohm - Tần số: 300-500 kHz - Điện thế nguồn: 100V - 120V / 220V - 240V $\pm 10\%$ - Tần số nguồn: 50 / 60 Hz			
7	Máy bơm tưới rửa nội soi	I. Đặc điểm chung: – Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau – Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương. – Xuất xứ: G7 II. Cấu hình cung cấp - Máy chính: 01 máy - Van 1 chiều: 01 hộp - Đầu nối tia nước dùng 1 lần: 01 hộp - Ống dẫn nước tưới: 01 hộp - Bộ chuyển đổi kênh: 01 bộ - Bàn đạp chân: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật và thông số kỹ thuật 1. Tính năng hệ thống:	Cái	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		– Máy tưới rửa nội soi bao gồm giá đỡ bình nước bên hông máy. – Giá đỡ được thiết kế nghiêng giúp dễ dàng lắp đặt và dễ sử dụng cũng như dễ thao tác với ống dẫn nước. – Có chức năng tự làm ấm nước trong bình và giữ nước ở nhiệt độ lên đến 37°C – Có tính năng kích hoạt bơm trong vòng 20 giây tự động bơm chất lỏng theo thời gian được cài đặt trước qua bộ hẹn giờ tự động. Có thể hủy quá trình bằng cách đập bàn đập. – Tính năng an toàn ngăn máy bơm hoạt động khi đầu bơm đang trạng thái mở. – Động cơ máy được thiết kế mạnh mẽ đảm bảo giúp máy hoạt động ổn định trong suốt quá trình sử dụng. – Máy bơm tưới rửa nội soi hoạt động bằng cách xoay đầu bơm kiểu con lăn nhu động để di chuyển chất lỏng qua bộ ống và vào hệ thống nội soi tiêu hóa. Đầu bơm sẽ không hoạt động nếu chưa được đóng kín hoàn toàn và sẽ tự ngừng hoạt động nếu người dùng mở đầu bơm khi motor đang xoay. – Cho phép tưới thông qua kênh nước phụ hoặc ống và đầu nối kênh sinh thiết. – Đèn chỉ thị trạng thái sẽ xanh khi thiết bị hoạt động bình thường. – Khi nước được làm ấm vượt quá giới hạn nhiệt độ cho phép, đèn chỉ thị chuyển sang màu xanh dương, và bộ làm ấm sẽ tự động tắt. – Có núm vặn điều khiển lưu lượng bơm cho phép người sử dụng tăng / giảm lưu lượng dựa trên loại quy trình. 2. Thông số kỹ thuật: – Lưu lượng dòng chảy trong: + Kênh nước phụ: tối đa 300 ml/min + Kênh sinh thiết: tối đa 650 ml/min – Điện: 100-240 VAC – Tần số: 50 - 60 Hz – Nhiệt độ hoạt động: 10°C - 35°C – Độ ẩm hoạt động: 30-80% không ngưng tụ – Áp suất hoạt động: 10,2 – 15,4 PSI (70 – 106 kPa)			
8	Máy bơm CO2	I. Đặc điểm chung	Cái	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA - Điện áp làm việc: 100 - 240 V, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10°C - 35°C. + Độ ẩm: 30-80% - Xuất xứ: G7 II. Cấu hình cung cấp - Máy chính : 01 máy - Van khóa CO2: 01 cái - Bộ ống CO2 áp suất cao: 01 bộ. - Van giảm áp: 01 Bộ - Dây nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ * Đặc tính kỹ thuật và thông số kỹ thuật Tính năng chung: - Máy được thiết kế để cung cấp CO2 vào đường tiêu hóa làm môi trường căng phồng khi sử dụng kết hợp với nội soi đường tiêu hóa. - Máy cho phép điều chỉnh và kiểm soát việc cung cấp CO2 được làm tới 37°C cho bệnh nhân. - Máy làm ấm CO2 bên trong giúp loại bỏ CO2 lạnh. - Bao gồm điều khiển cho tùy chọn làm ấm chai nước để duy trì nước ở gần nhiệt độ cơ thể. - Có đầu ra khóa luer đực tiêu chuẩn. - Cho phép kết nối CO2 từ bình hoặc từ tường. - Có thể sử dụng áp suất đầu vào CO2 thấp hơn hầu hết các thiết bị cạnh tranh giúp sử dụng bình khí hiệu quả. - Tất cả đèn chỉ thị sẽ xanh lá khi thiết bị hoạt động bình thường. - Khi nước được làm ấm vượt quá giới hạn nhiệt độ cho phép, đèn chỉ thị chuyển sang màu xanh dương, và bộ làm ấm sẽ tự động tắt. - Bộ điều chỉnh áp suất nội tuyến kép đảm bảo áp suất không đổi. - Giảm áp suất cơ học bổ sung ở ≤ 12 PSI ngăn ngừa quá áp.			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Áp suất đầu vào CO2 thấp được biểu thị bằng đèn vàng trên bảng điều khiển phía trước. - Khi bật nguồn ban đầu, lưu lượng khí sẽ TẮT cho đến khi núm chỉnh lưu lượng BẬT. - Máy làm ấm CO2 sẽ không hoạt động trừ khi dòng chảy được bắt đầu. Thông số kỹ thuật: Thông số về điện: - Điện: 100-240 VAC - Tần số: 50 - 60 Hz Thông số cơ học: Thông số CO2: Cung cấp tối thiểu 3 cấp độ điều chỉnh lưu lượng (Thấp / Vừa / Cao). - Lưu lượng bơm dòng chảy tự do tối đa đạt từ ≥ 3.0 – 3.5 L/phút hoặc tương đương. - Lưu lượng dòng chảy GI Endoscopic: (các mức sau hoặc tương đương) + Thấp: 0.5 – 0.9 L/phút + Vừa: 1.0 – 1.4 L/phút + Cao: 1.5 – 2.0 L/phút Kết nối đầu ra: khóa luer đực Kết nối đầu vào: bộ nối thẳng đực 1/4 hoặc tương đương. Nhiệt độ CO2 đầu ra: 37°C (± 3°C) Áp lực hoạt động: + Áp lực đầu vào: Tối đa 1900 PSI, tối thiểu 25 PSI + Điểm Cài Đặt Bộ Điều Chỉnh Áp Suất: Tối đa 8 PSI + Van Xả An Toàn Bên Trong: ≤12 PSI Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: 10°C - 35°C + Độ ẩm hoạt động: 30-80% không ngưng tụ + Áp suất hoạt động: 10,2 – 15,4 PSI (70 – 106 kPa)			
9	Máy truyền dịch	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 - Điện áp làm việc: 100 - 240V, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 5-40 độ C + Độ ẩm: 20-90%	Cái	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Xuất xứ máy chính: G7 II. Yêu cầu kỹ thuật: - Tương thích với dây truyền được kiểm nghiệm áp suất do hãng sản xuất khuyến nghị - Tốc độ truyền: 0.1 đến ≥ 1200 ml/giờ. - Bước điều chỉnh: ≤ 0.1 ml/giờ - Thể tích truyền: 0.1 đến ≥ 9999 ml - Thời gian truyền: 1 phút đến ≥ 99 giờ 59 phút - Chức năng tính liều lượng thuốc (dose calculation) tự động: + Theo tốc độ truyền: ml/giờ - Truyền nhanh (bolus): có nhanh độ truyền nhanh (bolus) - Độ chính xác của tốc độ truyền: $\pm 5\%$ - Chế độ giữ vein KVO: từ 1 đến 3.00 mL/h. - Thông tin hiển thị trên màn hình: tốc độ truyền, nguồn điện/pin, thể tích đã truyền, báo động - Thông tin có thể kiểm tra: thể tích truyền, thời gian đã truyền, liều lượng thuốc, thời lượng pin. - Có thể chuyển sang chế độ truyền không sử dụng cảm biến giọt. - Áp suất phát hiện tắc: tối đa ≥ 100 kPa (1 bar = 100 kPa) - Có kẹp dây trong bơm để ngăn chặn dịch chảy tự do khi mở nắp bơm. - Cơ chế bơm truyền dịch: Bơm nhu động dạng ngón ép - Các cảnh báo, báo động bằng âm thanh và hình ảnh: + Báo động áp lực truyền + Báo động bóng khí trong đường truyền + Cảnh báo tạm ngừng + Cảnh báo pin yếu + Báo động hết pin - Cài đặt được ngày giờ - Có thể điều chỉnh được âm lượng báo động với ≥ 3 mức - Bộ nhớ lưu trữ các sự kiện, báo động: $\geq 10,000$ sự kiện - Pin: Lithium-Ion. - Thời gian hoạt động liên tục của pin ≥ 5 giờ			

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Chống ẩm chuẩn IP 22 hoặc tương đương, tốt hơn. - Chống sốc điện chuẩn CF I hoặc tốt hơn			
10	Tủ đông sâu	I. Đặc điểm chung - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Điện áp làm việc: 100 - 240 V, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 5-40 độ C + Độ ẩm: 20-90% II. Tính năng sản phẩm: - Hệ thống có chức năng hiển thị nhiệt độ kỹ thuật số, nhiệt độ bên trong tủ có thể được cài đặt trong khoảng từ (-10°C) đến (-45°C). - Có Hệ thống điều khiển nhiệt độ - ≥ 7 ngăn kéo giúp lưu trữ mẫu theo phân loại dễ dàng hơn. - Thép phủ sơn trắng bên trong và bên ngoài, đảm bảo duy trì nhiệt độ cài đặt. - Hệ thống cảnh báo âm thanh và hình ảnh giúp bảo quản mẫu an toàn hơn. III. Thông số kỹ thuật: - Loại Tủ: Tủ đứng - Thể tích: ≥ 300 lít Hiệu suất - Khoảng nhiệt độ: -10°C đến -45°C. - Nhiệt độ môi trường: 10-32°C. - Bảng điều khiển điện tử kỹ thuật số - Màn hình kỹ thuật số (LCD) Hệ thống làm lạnh - Phương pháp làm lạnh: tĩnh - Chức năng rã đông thủ công. - Chất làm lạnh: R290 Cấu trúc tủ - Vật liệu bên ngoài: thép sơn phủ. - Vật liệu bên trong: thép sơn phủ. - Kệ: ≥ 7 kệ - Khóa Cửa bằng phím Khóa: có - Chân tủ: 2 bánh xe + 2 chân - Ghi dữ liệu / Khoảng thời gian / Thời gian ghi: thẻ SD, tối thiểu 5 năm. Hệ thống cảnh báo - Cảnh báo nhiệt độ	Cái	1	
11	Máy siêu âm di động	I. Đặc điểm chung - Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Máy	1	

STT	Tên thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Điện áp làm việc: 100 - 240 VAC, 50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10-35 độ C. + Độ ẩm: 30-80%. II. Cấu hình cung cấp: - Máy chính: 01 - Bộ kết nối ổ cắm 3 đầu dò: 01 bộ hoặc tích hợp trên máy. - Phần mềm siêu âm cài đặt sẵn: 01 Bộ - Đầu dò Convex tần số 2-5Mhz dùng siêu âm tổng quát, sản phụ khoa: 01 cái - Đầu dò Linear tần số 4-18Mhz dùng siêu âm mạch máu, phần nông, các tuyến: 01 cái. - Xe đẩy máy: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 1 bộ III. Tính năng chung - Máy thiết kế dạng laptop xách tay; màn hình tối thiểu 15 inch; có xe đẩy đồng bộ, bánh xe có phanh hãm - Phù hợp với lưới điện Việt Nam, có pin và sạc đi kèm; thời gian sử dụng pin liên tục từ 60 phút trở lên. - Thân máy chính tích hợp sẵn cổng cắm đầu dò hoặc trang bị bộ mở rộng ổ cắm cho phép kết nối đồng thời từ 02 đầu dò trở lên. - Có thể kết nối các loại đầu dò Convex và Linear, có khả năng trang bị thêm hoặc thay thế bổ sung đầu dò khác khi cần thiết, đầu dò được ứng dụng trong khảo sát cơ xương khớp, thần kinh, mạch máu, bụng, lồng ngực - Có hiển thị hình ảnh Doppler màu, Doppler xung, có tăng cường hiển thị hình ảnh kim. - Có khả năng lưu trữ và xuất dữ liệu hình ảnh - Có bảo hành, bảo trì bảo dưỡng và hỗ trợ kỹ thuật khi cần thiết - Kháng khuẩn: Vỏ máy làm bằng vật liệu chịu được các dung dịch sát khuẩn trong phòng mổ tối thiểu isopropyl alcohol hoặc Chlorine dioxide			



Mail:

PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tân Phú

Căn cứ Thông báo chào giá số 2692 /TB-BVĐKTP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Phú, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	STT theo thông báo chào giá	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giấy phép lưu hành	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã có VAT	Thành tiền (VNĐ)	Tính năng kỹ thuật	Ghi chú
1												
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, các tài liệu liên quan của vật tư và các tài liệu theo yêu cầu báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

NGƯỜI GỬI:

Tên công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:



BẢNG BÁO GIÁ

(Theo Yêu cầu báo giá số 16.9.2/TB-BVĐKTP ngày 09 tháng 10 năm 2026)

NGƯỜI NHẬN: PHÒNG VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TÂN PHÚ

ĐỊA CHỈ: 609-611 ÂU CƠ, PHƯỜNG TÂN PHÚ, TP.HCM

• NĂM 2026

